

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may xuất khẩu S&D Thanh Hóa tại xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH S&D

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ các Quyết định số 5554/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019; số 1610/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2020; số 3429/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; số 2578/QĐ-UBND (điều chỉnh lần 3 ngày 25 tháng 7 năm 2022) của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may xuất khẩu S&D Thanh Hóa tại xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản số 3734/STNMT-BVMT ngày 28/04/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Nhà máy may xuất khẩu S&D Thanh Hóa tại xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 739/Tr-STNMT ngày 04/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may xuất khẩu S&D Thanh Hóa (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH S&D (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Dân Lực,

huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may xuất khẩu S&D Thanh Hóa của Công ty TNHH S&D thực hiện tại xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn, Giám đốc Công ty TNHH S&D và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Dân Lực (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà máy may xuất khẩu S&D Thanh Hóa tại xã Dân Lực, huyện
Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH S&D

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy may xuất khẩu S&D Thanh Hóa.
- Địa điểm thực hiện: tại xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH S&D
- + Người đại diện: Ông Phạm Anh Phương
- + Chức vụ: Giám đốc
- + Điện thoại: 0243 8753689
- + Địa chỉ: Số nhà 21, ngách 765/115A, đường Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Dự án Nhà máy may xuất khẩu S&D Thanh Hóa được thực hiện trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích 35.673,5m².
- Quy mô sản xuất: 3,5 triệu sản phẩm quần áo/năm.
- Công nghệ sản xuất: Nguyên liệu → cắt → in → may → thừa, đính → kiểm tra → là → hoàn thiện, đóng gói → xuất bán.
- Nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất: Vải các loại (không bao gồm vải bò, bông, len, da, lông thú); vật liệu phụ (chỉ, cúc, khóa các loại, băng dính, thùng carton, túi nylon,...).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình: Nhà xưởng sản xuất số 01 (02 tầng, 7.095 m²); nhà xưởng sản xuất số 02 (02 tầng, 7.095 m²); nhà giới thiệu sản phẩm (01 tầng, 272,69 m²); nhà ăn và nghỉ ca cán bộ, nhân viên (02 tầng, 248 m²); nhà xe số 1 (01 tầng, 691,74m²); nhà xe số 2 (02 tầng, 626,34m²); nhà bếp (01 tầng, 174,53m²); trạm biến áp (55m²); nhà máy phát điện (01 tầng, 47,85m²); nhà bảo vệ (01 tầng, 31,83m²); nhà xưởng in (01 tầng, 517,8m²); nhà vệ sinh (02 tầng, 203,72m²); nhà nồi hơi nén khí (01 tầng, 255m²); trạm xử lý nước thải (61,92m²) và các công trình hạ tầng, kỹ thuật, phụ trợ khác.
- Hoạt động của dự án:
 - + Xây dựng, hoàn chỉnh các công trình bổ sung phục vụ Dự án: nhà xưởng in, nhà để xe và một số hạng mục công trình phụ trợ.
 - + Vận hành Dự án: Sản xuất các loại trang phục quần áo xuất khẩu.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động thi công xây dựng các công trình của dự án, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung, ảnh hưởng đến thủy lợi...; tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, sinh hoạt của công nhân,... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại..., tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư.

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng $1,73\text{m}^3/\text{ngày}$ (bao gồm nước rửa tay, chân $1,11\text{m}^3/\text{ngày}$; nước nhà vệ sinh $0,47\text{m}^3/\text{ngày}$; nước thải nhà bếp $0,15\text{m}^3/\text{ngày}$). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform.

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lốp xe khoảng $1,35\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu: cặn lơ lửng, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có lưu lượng tối đa $261,4\text{m}^3/\text{h}$. Thành phần chủ yếu: bùn đất, rác thải.

3.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe. Thành phần chủ yếu: bụi vô cơ, khí CO , SO_2 , NO_2 và VOC.

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, bụi từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, ... Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO , SO_2 , NO_2 và VOC.

3.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng $14,5\text{ kg}/\text{ngày}$ chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng $99,18$ tấn đất, đá, cát và $1,3$ tấn vật liệu xây dựng khác (sắt, thép, ống nhựa, tôn); chất thải vỏ bao bì xi măng $0,212$ tấn.

3.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 30 kg/giai đoạn thi công, chủ yếu là giẻ lau dính dầu, pin, bóng đèn neon.
- Khối lượng dầu thải từ các phương tiện thi công dự án tối đa tại công trường tối đa 20 lít/giai đoạn thi công.

3.1.5. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công và vận chuyển nguyên nhiên vật liệu; các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân vận hành dự án có lưu lượng khoảng 96,12 m³/ngày.đêm (nước thải từ quá trình rửa tay chân, giặt giũ 33,625m³/ngàyđêm; nước thải nhà vệ sinh: 33,625 m³/ngày.đêm và nước thải nhà bếp 28,87 m³/ngày.đêm). Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ, Coliform,...

- Nước thải sản xuất:

+ Nước rửa bản in có lưu lượng phát sinh khoảng 7 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Độ màu, chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, tổng N, tổng P,...

+ Nước thải từ quá trình xử lý bụi, khí thải lò hơi có lưu lượng khoảng 1,0m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, tro, cặn,...

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực dự án có lưu lượng khoảng 385,29m³/h. Thành phần chủ yếu là đất, cát, rác thải,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án; sản phẩm đi tiêu thụ; từ công đoạn cắt may; vận hành lò hơi, máy phát điện; bếp ăn.... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO₂, CO₂, SO₂, VOC...

- Mùi, khí thải phát sinh từ công trình thu gom, xử lý nước thải, khu tập kết chất thải rắn. Thành phần gồm: H₂S; NH₃; CH₄...

3.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 560,4kg/ngày; thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...;

- Chất thải rắn sản xuất: Vụn vải, chỉ thừa, sản phẩm lỗi,... phát sinh khoảng 4,26 tấn/ngày; tro từ đốt viên trấu lò hơi khoảng 352kg/ngày; bụi vải thu gom từ quá trình cắt may khoảng 25,96g/ngày.

- Chất thải từ bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung khoảng 20,824 kg/ngày.

3.2.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án gồm: Bóng đèn neon, ắc quy, pin, hộp mực in, chai, can đựng dung môi, hóa chất, than hoạt tính thải,... khoảng 7,0kg/tháng;

- Chất thải lỏng nguy hại là dầu thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, thay dầu thiết bị máy của Dự án khoảng 50,0 lít/năm.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý hóa lý (xử lý nước thải xường in) với tổng khối lượng khoảng 5,3 kg/ngày. Thành phần chủ yếu chứa kim loại nặng: sắt, kẽm, đồng, chì, niken,...).

3.2.5. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy,... và các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, sự cố lò hơi, an toàn lao động, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải, ...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải từ quá trình rửa tay chân tay được thu gom dẫn về bể lắng (dung tích 2,0m³; thành và đáy được lót vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) để lắng và tái sử dụng để phun ẩm chống bụi khu vực công trường thi công dự án.

- Đối với nước thải nhà bếp được thu gom và dẫn vào 01 bể gạt dầu mỡ dung tích 50 lít sau đó nước được dẫn về bể lắng dung tích 2,0m³ (cùng với nước vệ sinh tay chân) để lắng và tái sử dụng phun ẩm chống bụi khu vực công trường thi công dự án.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện): 0,47 m³/ngày được xử lý bằng 02 nhà vệ sinh di động (kích thước 2600mm x 2.700mm x 900mm) đặt tại khu lán trại; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 4 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

b. Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị với lưu lượng 1,35m³/ngày, được thu gom và dẫn về hố lắng có thể tích 2,0m³ (kích thước D x R x H = 2,0m x 2,0m x 0,5m được xây dựng bằng cách đào hồ sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm, bể được chia làm 2 ngăn bởi vách ngăn lửng, trong bể được bố trí 1 phao quay thu vớt dầu) để chứa và lắng nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị thi công. Nước thải sau khi lắng được tái sử dụng để vệ sinh thiết bị và phun ẩm chống bụi khu vực công trường.

c. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (đá, cát, xi măng, sắt thép...) phục vụ quá trình thi công xây dựng phải che chắn bằng bạt.

- Không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại, dầu mỡ và chất thải nguy hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra, không để rò rỉ ra môi trường.

- Chất thải sinh hoạt và các chất thải được lưu chứa trong các dụng cụ lưu chứa, không xả rác ra mặt đất khu vực công trường, để tránh rác thải cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm có kích thước là Rộng x Sâu = 50cm x 50cm dọc theo chiều dài khu đất, khoảng cách giữa các rãnh tạm là 30m. Trên các rãnh tạm bố trí các hố ga tạm (kích thước 1,0mx1,0mx1,0m) để lắng bùn đất, khoảng cách giữa các hố ga 30m/hố ga; nước mưa được thu gom và dẫn vào hệ thống mương thoát nước chung tiếp giáp phía Nam khu đất dự án.

4.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Lắp dựng hàng rào tôn cao 2,5m, dài 150m tại ranh giới phía tiếp giáp với tuyến Quốc lộ 47 và tường rào tôn cao 2,5 m, dài 350m quanh chiều dài xưởng 1 và 02 đầu hồi xưởng 1 và 2 của dự án để hạn chế tác động của các hoạt động xây dựng hạng mục còn lại đối với nhà xưởng 1 và 2.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công trên công trường.

- Khi thi công trong quá trình đào đắp, trút đổ vật liệu nếu quá khô phát sinh nhiều bụi, sẽ thực hiện tưới ẩm để dập bụi.

- Tưới ẩm khu vực thi công và tuyến Quốc lộ 47 và đường liên xã đoạn tiếp giáp dự án với tần suất 04 lần/ngày và thực hiện bổ sung khi bụi phát sinh nhiều.

- Vận chuyển nguyên vật liệu trên các xe có bạt che phủ, chở đúng tải trọng quy định, tuân thủ tốc độ di chuyển trên các tuyến đường.

- Các phương tiện máy móc thi công trong dự án đảm bảo được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên; tuân thủ chế độ đăng kiểm theo quy định, việc sử dụng các phương tiện và máy móc đảm bảo còn niên hạn.

- Bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại khu vực cổng ra vào công trường. Khu rửa xe được bố trí với diện tích 40m², được bê tông hóa mặt nền, có rãnh thoát nước và bể chứa nước rửa xe, bể lắng nước vệ sinh phương tiện. Xe vận chuyển đất và vật liệu xây dựng từ công trường trước khi ra khỏi công trường được xịt quả sạch lốp xe và bùn đất dính bên ngoài xe nếu có.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị ít nhất 02 thùng đựng rác có nắp đậy (loại dung tích 60 lít/thùng); 01 xe đẩy rác bằng tay (dung tích chứa 0,5m³) tại vị trí lán trại công nhân để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Tận dụng bán phế liệu; hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 02 ngày/lần.

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức của công nhân trong vấn đề vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Chất thải rắn từ vật liệu xây dựng rơi vãi (cát, đá, gạch vỡ,...) được thu gom, tận dụng làm vật liệu san nền khu vực dự án.

- Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng... thu gom tập trung bán lại cho

các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí ít nhất 02 thùng dung tích 20 lít/thùng để thu gom chất thải rắn nguy hại; 01 can với thể tích 30 lít để thu gom chất thải lỏng nguy hại.

- Các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che đặt tại khu vực lán trại; kết thúc giai đoạn thi công, hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Hợp đồng với cơ sở bảo dưỡng để thay dầu và bảo dưỡng thiết bị, phương tiện tại cơ sở cung cấp dịch vụ.

4.1.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và tác động khác

- *Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:*

- + Trang bị bảo hộ lao động giảm ồn cá nhân cho công nhân vận hành phương tiện theo quy định.

- + Không vận hành các phương tiện có mức ồn lớn cùng lúc, bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị chống ồn cho công nhân thi công.

- + Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm tới mức thấp nhất.

- + Hạn chế các xe tải trọng lớn và các thiết bị gây ồn, rung lớn hoạt động vào ban đêm (từ 22h - 6h) và giờ nghỉ ngơi của người dân vào buổi trưa (từ 11h00 đến 13h30).

- + Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

- *Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố:*

- + Sự cố tai nạn giao thông: Thực hiện vận chuyển đúng tải trọng quy định, không để xảy ra tình trạng chở quá khổ, quá tải gây hư hỏng đường giao thông; thực hiện nghiêm túc quy định che chắn thùng xe, tốc độ di chuyển trên các tuyến đường, không để rơi vãi nguyên vật liệu ra đường; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm.

- + Sự cố tai nạn lao động: Yêu cầu công nhân thi công sử dụng đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động; vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình, kỹ thuật,...; khi gặp sự cố tai nạn lao động, phải đưa ngay người bị nạn đến cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu.

- + Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn, trang bị các phương tiện, thiết bị PCCC tại khu lán trại tạm.

4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Bố trí hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống cống rãnh, qua các hồ gas để lắng cặn, nước mưa được thoát ra hệ thống thoát nước ở phía Nam của khu đất thực hiện dự án.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ quá trình tắm, giặt → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Tái sử dụng (40%); thải ra mương thoát nước phía Nam dự án (60%).

+ Nước thải từ nhà ăn ($28,87\text{m}^3/\text{ngày đêm}$) → bể tách dầu mỡ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Tái sử dụng (40%); thải ra mương thoát nước phía Nam dự án (60%).

+ Nước thải từ nhà vệ sinh → bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Tái sử dụng (40%); thải ra mương thoát nước phía Nam dự án (60%).

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải xưởng in → Hệ thống xử lý hóa lý → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Tái sử dụng (40%); thải ra mương thoát nước phía Nam dự án (60%).

+ Nước thải từ quá trình xử lý khí thải → Bể thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Tái sử dụng (40%); thải ra mương thoát nước phía Nam dự án (60%).

+ Hệ thống xử lý hóa-lý, công suất $10\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$; công nghệ xử lý như sau: Nước thải in → Bể cân bằng → Bể keo tụ 1 → Bể lắng → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông → Bể tuyển nổi → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất $120\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$; công nghệ xử lý như sau: Nước thải sản xuất và sinh hoạt → Bể thiếu khí → Bể MBBR 2 bậc → Ngăn chắn PAC → Bể lắng → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Bể khử trùng → Hồ điều hòa → Tái sử dụng (40%); xả thải ra mương thoát nước phía phía Nam dự án (60%).

- Nước sau khi xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B; QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

4.2.2. Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý bụi và khí thải:

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất:

+ Khí thải, dung môi tại xưởng in: Khí thải, hơi dung môi → chụp hút → cục lọc than hoạt tính → quạt hút → ống thoát khí (cao 5m) → môi trường.

+ Bụi từ công đoạn cắt, hoàn thiện sản phẩm → đầu hút → Quạt hút → hệ thống lọc bụi túi vải → kho chứa rác thải công nghiệp.

+ Bụi, khí thải từ lò hơi đốt bằng viên nén trấu: Khí thải lò đốt viên nén trấu → Cyclon thu bụi → Quạt hút → tháp hấp thụ màng nước vôi trong → ống thoát khí (cao 15m) → môi trường.

+ Đối với bụi bông, bụi vải phát sinh trên nền nhà xưởng được công nhân thường xuyên tiến hành vệ sinh công nghiệp.

+ Khu vực nhà xưởng sản xuất, xưởng in: Lắp đặt hệ thống các quạt thông gió.

- Các xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm được xếp lịch và có giờ giao nhận nguyên liệu, sản phẩm cụ thể; trong quá trình bốc xếp nguyên liệu, sản phẩm lên các phương tiện vận chuyển các phương tiện phải tắt máy.

- Thường xuyên phun tưới nước sân đường, vỉa hè, trên các tuyến đường giao thông nội bộ, sân bê tông của nhà máy; tần suất phun ẩm là 04 lần/ngày đối với những ngày không mưa và thực hiện bổ sung khi phát sinh bụi nhiều.

- Bố trí công nhân vệ sinh thường xuyên quét dọn sân đường nội bộ, nhà xe. Trong quá trình dọn dẹp vệ sinh, quét dọn nhà xe, nếu thời tiết khô hanh, phát sinh nhiều bụi thì trong quá trình quét dọn phải phun tưới nước tạo độ ẩm để giảm bụi.

- Định kỳ bảo dưỡng các phương tiện của nhà máy đảm bảo các phương tiện hoạt động tốt. Kiểm định các phương tiện theo đúng quy định.

- Bố trí nhà xe ngay gần cổng ra vào và các vị trí thuận lợi cho việc ra vào nhà máy.

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỉ lệ theo đúng quy hoạch được phê duyệt; ngoài ra, hai bên vỉa hè nội bộ đặc biệt, khu vực từ cửa ra vào đến các nhà xe, nhà văn phòng được bố trí thêm các chậu hoa, cây cảnh tạo cảnh quan đẹp và không khí trong lành; xung quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải bố trí dải cây xanh xung quanh.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt

+ Trang bị và sử dụng các thùng rác loại 20 lít/thùng; 30 lít/thùng, 60 lít/thùng, có nắp đậy bố trí trong các phòng làm việc và dọc hành lang các nhà xưởng, khu nhà điều hành, khu nhà ăn, nhà nghỉ ca công nhân, nhà vệ sinh,... sau đó thu gom về 04 xe đẩy tay $0,8\text{m}^3/\text{xe}$ đặt tại kho chứa chất thải rắn (có diện tích 20m^2 tại khu vực phía Tây Nam khu đất).

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Đối với vụn vãi, chỉ thừa, sản phẩm lỗi: Trang bị các thùng rác loại 100 lít/thùng; 200 lít/thùng có nắp đậy bố trí tại các nhà xưởng sản xuất; sau đó, thu gom về 06 xe đẩy tay ($0,8\text{m}^3/\text{xe}$) đặt tại kho chứa chất thải sản xuất có diện tích 40m^2 ; bố trí gần hồ điều hoà. Định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Tro xỉ lò hơi được thu gom về bể chứa có nắp đậy với thể tích 5m^3 ; tận dụng làm phân bón cây trong khuôn viên Nhà máy và bán/ cho các đơn vị khác làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ, trồng cây.

+ Bụi vãi được thu gom vào trong túi vãi đặt tại kho chứa chất thải rắn sản xuất; định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung hợp đồng với đơn vị chức năng thông hút, vận chuyển xử lý theo quy định sau khi phân định được

loại chất thải.

4.2.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

- Trang bị ít nhất 02 thùng chứa (thể tích 50lit/thùng; 200 lít/thùng) có nắp đậy để lưu chứa chất thải rắn nguy hại, có nắp đậy, dán nhãn mác đặt tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 20 m² bố trí tại khu vực phía Tây Nam Dự án để lưu chứa chất thải nguy hại dạng rắn, lỏng.

- Định kỳ, hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung hợp đồng với đơn vị chức năng thông hút, vận chuyển xử lý theo quy định sau khi phân định được chất thải.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý hóa lý (xử lý nước thải xường in) được thu gom tập trung về bể chứa bùn; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định sau khi phân định được loại chất thải.

4.2.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ. Cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và phải thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy.

- Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy móc thiết bị cần phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi cho vào hoạt động lại.

- Trên các dây truyền máy móc thiết bị gây tiếng ồn lớn phải được lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su được lót dưới chân đế các máy móc, thiết bị.

- Công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị nút tai chống ồn.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

- Sự cố hệ thống xử lý chất thải:

- + Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý chất thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý chất thải.

- + Khi hệ thống xử lý nước thải (sản xuất, sinh hoạt) gặp sự cố, nước thải xả ra sẽ lưu tại hồ sự cố 02 ngăn (ngăn 1: thể tích khoảng 200m³ để chứa nước thải sinh hoạt; ngăn 2: thể tích khoảng 30m³ để chứa nước thải sản xuất; kết cấu bằng BTCT), đặt tại khu vực xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung, sau đó nước thải sẽ được bơm tuần hoàn xử lý trước khi thoát ra môi trường.

- Phòng cháy và chữa cháy: Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị

đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

- Sự cố lò hơi: Thường xuyên bảo dưỡng, vận hành nồi hơi theo đúng hướng dẫn của Nhà sản xuất; theo dõi liên tục nồi hơi khi nồi hơi hoạt động nhằm phát hiện các hiện tượng bất thường của nồi hơi (cạn nước, đầy nước quá mức, ống thủy báo mực nước ảo, áp suất nồi hơi tăng quá mức cho phép, phồng và nổ ống của phân trao đổi nhiệt trong nồi hơi, nhiệt độ nước cấp quá cao, đường thoát khói nghẹt,...) để từ đó có biện pháp xử lý kịp thời như: Tiến hành thông rửa ống thủy của lò hơi; mở van xả khí lò hơi hoặc mở cưỡng chế van an toàn (kéo van an toàn bằng tay); xả đáy gián đoạn kết hợp với việc cấp nước bổ sung cho [nồi hơi](#), ngừng hoạt động,....

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

Khuyến khích Chủ đầu tư thực hiện giám sát môi trường đối với nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Vị trí giám sát: điểm đầu ra sau bể khử trùng
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, nhiệt độ, độ màu, BOD₅, COD, TSS, NH₄⁺, tổng dầu mỡ khoáng, Amoni, tổng Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 02: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm

việc; QCVN 03:2019/BYT về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Giấy xác nhận kế hoạch Bảo vệ môi trường số 56/GXN-UBND ngày 09/01/2021 của UBND huyện Triệu Sơn hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được ban hành./.